

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN VII

Phẩm 4: NHƯ LAI TÁNH 4

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cần phải nương theo bốn hàng người như đã nói ở trên hay không?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này thiện nam! Như Ta đã nói, cần phải nương tựa. Vì sao? Vì có bốn loại ma. Những gì là bốn? Như ma đã nói thì có thể thọ trì các kinh luật khác.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói có bốn loại ma, vậy nếu ma nói và Phật nói thì con phải làm thế nào để phân biệt được? Có các chúng sinh làm các việc của ma, lại có chúng sinh thực hành theo lời Phật dạy, những người như vậy làm sao biết được?

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Sau khi Ta Niết-bàn bảy trăm năm, ma Ba-tuần sẽ ngăn trở, phá hoại chánh pháp của Ta. Ví như thợ săn mặc pháp y, Ma vương Ba-tuần cũng như vậy, giả làm hình tượng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cũng hóa làm thân Tu-đà-hoàn cho đến hóa làm thân A-la-hán và sắc thân của Phật. Ma vương đem thân hữu lậu hóa làm thân vô lậu để phá hoại chánh pháp của Ta. Lúc ma Ba-tuần phá hoại chánh pháp, sẽ nói: “Xưa kia, Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất chết đi, rồi sinh vào cung vua Bạch Tịnh ở thành Ca-tỳ-la này, nương vào ái dục hòa hợp của cha mẹ sinh dưỡng mà có thân, nếu nói có ai sinh trong loài người mà được đại chúng trời, người ở thế gian cung kính, điều này không thể có”. Lại nói: “Xưa kia, Bồ-tát tu hành khổ

hạnh, nhờ bố thí tất cả đầu mắt, tủy não, nước thành, vợ con v.v... nên hôm nay được thành Phật đạo, nhờ nhân duyên này mà được các hàng trời, người, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già cung kính”. Nếu có kinh luật nói như vậy thì nên biết đó là lời nói của ma. Nay thiện nam! Nếu kinh luật nào nói Đức Như Lai Chánh Giác thành Phật đã lâu, nay mới thị hiện thành Phật đạo, vì muốn độ thoát các chúng sinh nên thị hiện có cha, mẹ, nương nơi ái dục hòa hợp mà sinh, tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy, thì phải biết kinh luật như vậy mới chính là của Như Lai nói. Nếu ai tin theo lời ma, người ấy là quyến thuộc của ma, còn người nào theo kinh luật Phật dạy, người ấy là Bồ-tát. Nếu có lời nói rằng không nên tin Như Lai khi sinh, ở mỗi phương trong mười phương, bước đi bảy bước thì đó là lời nói của ma, còn nếu nói rằng Như Lai khi sinh ra đời, ở mỗi phương trong mười phương đều bước đi bảy bước, đó là phương tiện thị hiện của Như Lai, thì đây mới là kinh, luật của Như Lai nói. Người nào nghe theo lời nói của ma thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn ai tùy thuận lời Phật dạy thì người ấy là Bồ-tát. Nếu nói khi Bồ-tát giáng sinh rồi, vua cha liền cho người đem đến đền thờ trời, chư Thiên thấy xong, đều xuống kính lễ, đó là lời Phật nói. Lại gạn hỏi: “Trời sinh trước, Phật sinh sau, sao chư Thiên lại kính lễ Phật?”. Gạn hỏi như vậy, phải biết đó là lời nói của ma Ba-tuần. Nếu có kinh nói Phật đến đền thờ trời, chư Thiên Ma-hê-thủ-la, Đại Phạm thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân thấy đều chấp tay cung kính đánh lễ dưới chân thì kinh luật như vậy là lời Phật dạy. Người nào nghe theo lời nói của ma, người ấy là quyến thuộc của ma, còn ai tùy thuận lời Phật dạy, người ấy là Bồ-tát. Nếu có kinh luật nói, khi Bồ-tát còn là Thái tử, vì tâm tham dục nên cưới thê thiếp ở khắp bốn phương, ở trong thâm cung hưởng thọ năm thứ dục lạc, thì kinh, luật như vậy là lời nói của ma Ba-tuần. Nếu có kinh luật nào nói, từ lâu, Bồ-tát đã lìa bỏ tham dục, vợ con, quyến thuộc, cho đến bỏ sự thọ hưởng năm dục thượng diệu của cõi trời Ba mươi ba như bỏ đầm dãi, huống là dục ở cõi người! Bồ-tát cạo bỏ râu tóc, xuất gia hành đạo, thì kinh luật như vậy là của Phật nói. Người nào nghe theo kinh luật của ma là quyến thuộc của ma, còn ai nghe theo

kinh luật của Phật dạy, vị ấy là Bồ-tát. Nếu có kinh luật nói rằng, Phật ở Tinh xá Kỳ-đà tại thành Xá-vệ, cho phép các Tỳ-kheo nhận, chứa tô trai tố gái, bò dê, voi ngựa, la lừa, gà heo, mèo chó, vàng bạc, lưu ly, trân châu, pha lê, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc kha, ngọc bích, đồ đồng bằng đồng thiếc, mâm đồng lớn, nhỏ và các vật cần dùng như nhà cửa, ruộng vườn, trồng trọt, mua bán đổi chác, cất chứa lúa gạo ngũ cốc v.v... Các vật như vậy, Đức Phật vì lòng từ bi, thương xót chúng sinh, nên đều cho chứa hết, thì kinh luật như vậy đều là lời ma nói. Hoặc có người nói: “Phật ở Tinh xá Kỳ-đà tại thành Xá-vệ, chỗ ở của quý Na-lê-lâu. Bấy giờ, Như Lai vì Bà-la-môn tên là Cổ-chi-đức và vua Ba-tư-nặc mà nói Tỳ-kheo không được nhận, chứa vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc kha, ngọc bích, tô trai tố gái, đồng nam đồng nữ, các loài thú như bò, dê, voi, ngựa, lừa la, gà heo, mèo chó, đồ đồng bằng đồng thiếc, mâm đồng lớn nhỏ, các loại đồ nằm ngồi nhiều màu sắc và các vật cần dùng như nhà cửa, ruộng vườn, trồng trọt, mua bán đổi chác, tự tay làm thức ăn, tự xay, tự giã, dùng chú thuật chữa bệnh, phép điều phục chim ưng, làm nghề chiêm tinh, suy đoán thịnh suy, xem tướng nam nữ, giải mộng kiết hung, trong sáu mươi bốn phần lại có thể có mười tám phần, hoặc người làm chú thuật, làm các nghề khéo, hoặc nói vô số việc của thế gian, dùng hương xay, hương bột, hương xoa, hương xông, các loại vòng hoa để làm đẹp đầu tóc, gian xảo dua nịnh, tham lợi không nhàm chán, ưa thích ồn náo, cười giỡn, nói chuyện phiếm, tham ăn cá, thịt, pha chế thuốc độc, ép dầu thơm, dùng lọng báu và mang giày dép, làm quạt, rương, thùng, vẽ các loại tranh ảnh, cất chứa ngũ cốc, lúa gạo, đại mạch, tiểu mạch, các loại rau quả; gần gũi quốc vương, thái tử, đại thần và những người nữ; cười to nói lớn hoặc lại lặng im, đối với pháp sinh nhiều nghi ngờ, bàn tán nhiều về những việc không đâu, nào là hay dở, tốt xấu, lành dữ, ưa mặc y phục tốt đẹp. Vì các vật bất tịnh như vậy mà ở trước thí chủ hạ mình, tự khen ngợi, lui tới những nơi bất tịnh như quán rượu, dâm nữ, cờ bạc, đổi chác v.v... Người làm những việc như thế Ta nay không cho phép ở trong chúng Tỳ-kheo, nên phải ra khỏi đạo, bắt buộc hoàn tục, giống như cỏ dại phải

diệt trừ tận gốc, nên biết các kinh luật đã chế định đều là do Như Lai nói”. Người nào nghe theo ma nói thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn ai tùy thuận lời Phật dạy, vị ấy là Bồ-tát. Hoặc nói: “Bồ-tát vì muốn cúng dường trời, thần nên vào đền thờ chư Thiên như Phạm thiên, Đại Tự Tại thiên, Vi Đà thiên, Ca-chiên-diên thiên, là không đúng. Sở dĩ vào đó là để điều phục hàng trời, người, nếu nói không phải như vậy, là điều không thể có. Hoặc nói Bồ-tát không thể vào được tà luận của ngoại đạo, không thể biết các oai nghi, văn chương và tài nghệ của họ, không thể làm cho các tội tử tranh cãi được hòa hợp, chẳng được nam, nữ, quốc vương, đại thần cung kính, lại chẳng biết điều chế thuốc thang, vì không biết những điều đó nên gọi là Như Lai, còn nếu ai biết đó là người tà kiến. Lại nữa, Như Lai có tâm bình đẳng đối với kẻ oán người thân, như đối với người dùng dao cắt thịt và với người dùng hương thơm xoa vào thân, tâm đều không ghét không thương, chỉ có thể ở trạng thái đó, nên gọi là Như Lai”. Nên biết kinh luật như thế là do ma nói. Hoặc có thuyết nói: “Bồ-tát thị hiện vào đền thờ chư Thiên như vậy, xuất gia tu hành trong pháp ngoại đạo, thị hiện biết được các oai nghi, lễ tiết của họ, có thể hiểu rõ tất cả văn chương, tài nghệ, thị hiện vào những nơi để học tập nghề khéo, có thể khéo léo làm cho những người tội tử tranh cãi được hòa hợp, là bậc tối tôn tối thượng trong đại chúng đồng nam, đồng nữ, hoàng hậu, cung phi, dân chúng, trưởng giả, Bà-la-môn, vua quan, đại thần, những người bần cùng. Lại được những người ấy cung kính, cũng có thể thị hiện các việc như vậy. Tuy làm các việc như vậy nhưng chẳng có tâm luyến ái, giống như hoa sen không nhiễm bùn nhơ, vì cứu độ tất cả chúng sinh, nên Bồ-tát khéo léo thực hành các phương tiện, tùy thuận theo pháp thế gian như vậy”. Nên biết kinh luật như thế là do Như Lai nói. Nếu người nào nghe theo lời ma nói thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn ai tùy thuận lời Phật dạy, tức là Đại Bồ-tát. Hoặc có người nói: “Như Lai vì tôi mà giảng nói kinh luật, nếu trong pháp ác, tội nặng, nhẹ hay tội Thâu-lan-giá, tánh của chúng đều là nặng. Trong luật của chúng tôi không hề có điều đó, từ lâu tôi đã thọ nhận các pháp như vậy, các ông không tin thì tôi làm sao mà bỏ luật của mình để theo luật của

các ông được? Luật của các ông do ma nói ra, kinh luật của chúng tôi là lời Phật dạy. Như Lai trước đây đã nói chín loại pháp ấn, dùng chín loại pháp ấn như vậy để ấn chứng kinh luật của ta, ban đầu không nghe có kinh điển Phương Đẳng, mỗi câu mỗi chữ đều do Như Lai nói, trong vô số kinh luật đâu có chỗ nào nói kinh Phương Đẳng. Trong vô số kinh đó, chưa từng nghe tên mười bộ kinh, nếu ai cho là có thì nên biết nhất định là do Điều-đạt làm ra. Điều-đạt là người ác, vì muốn phá bỏ pháp thiện nên tạo ra kinh Phương Đẳng, chúng tôi không tin. Các kinh như vậy là do ma nói. Vì sao? Vì phá hoại tướng của pháp Phật là điều sai quấy. Lời nói như vậy trong kinh của ông thì có mà trong kinh của tôi thì không. Trong kinh luật của tôi, Như Lai nói: “Sau khi Ta Niết-bàn, trong đời ác, sẽ có kinh luật bất chánh, đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, đời vị lai sẽ có các Tỳ-kheo ác như vậy”. Ta lại nói: “Có kinh Phương Đẳng hơn hẳn chín loại kinh. Nếu người nào có thể hiểu rõ ý nghĩa kinh Phương Đẳng ấy, nên biết người ấy thật sự đã hiểu rõ kinh luật, xa lìa tất cả vật bất tịnh, được thanh tịnh vi diệu giống như trăng rằm”. Hoặc có thuyết nói: “Như Lai vì mỗi mỗi kinh luật mà nói ý nghĩa nhiều như cát sông Hằng, nhưng trong luật của tôi không có thì biết là không, còn nếu như có thì vì sao ở trong luật của tôi lại không giải rõ, vì thế hôm nay tôi không thể tin nhận”. Nên biết người này là người có tội. Người ấy lại nói: “Kinh luật như thế tôi sẽ thọ trì. Vì sao? Vì kinh luật ấy sẽ tạo tác cái nhân pháp thiện, biết đủ, ít muốn, đoạn trừ phiền não, đạt được trí tuệ và Niết-bàn”. Người nói như thế chẳng phải là đệ tử của Ta. Hoặc có người nói: “Như Lai vì muốn cứu độ chúng sinh nên nói kinh Phương Đẳng, nên biết người ấy chính là đệ tử của Ta. Người nào không thọ trì kinh Phương Đẳng, nên biết người ấy chẳng phải là đệ tử của Ta, chẳng vì pháp Phật mà xuất gia, đó là đệ tử của ngoại đạo tà kiến”. Kinh luật như vậy là do Phật nói, nếu không như vậy là lời ma nói. Nếu người nào nghe theo lời ma nói thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn những ai nghe theo lời Phật dạy, vị ấy là Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có thuyết nói: “Như Lai không thành tựu được vô lượng công đức, vì là vô thường biến đổi, chỉ đạt

được pháp không, nên tuyên nói vô ngã, chẳng thuận theo thế gian”. Kinh luật như vậy là do ma nói. Hoặc có người nói: “Chánh giác của Như Lai là không thể nghĩ bàn, cũng do vô lượng vô số công đức mà thành tựu được, vì vậy nên thường trụ, không biến đổi”. Kinh luật như thế là của Phật nói. Nếu ai nghe theo lời ma nói thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn những ai nghe theo lời Phật dạy, vị ấy là Bồ-tát. Hoặc có người cho: “Hoặc có Tỳ-kheo thật sự không phạm tội Ba-la-di, mà mọi người đều cho rằng vị ấy phạm tội Ba-la-di, như chặt cây Đa-la, nhưng vị Tỳ-kheo đó thật sự không phạm. Vì sao? Vì tôi thường nói trong bốn tội Ba-la-di, nếu phạm một tội thì giống như viên đá bị chẻ không thể liền lại được. Có người nào tự cho là mình đã đạt pháp quá nhân thì người đó phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì thật sự không chứng đắc mà giả hiện tướng chứng đắc, người như thế là đã làm mất pháp làm người. Đó gọi là Ba-la-di. Nếu có Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đủ, trì giới thanh tịnh, ở chỗ vắng vẻ, hoặc có quốc vương, đại thần nào thấy vị Tỳ-kheo này mà nghĩ là vị ấy đã chứng đắc A-la-hán, liền đến trước vị ấy khen ngợi, cung kính, lễ bái, lại nói như vậy: “Thưa Đại sư! Sau khi xả thân này, Đại sư sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”, thì Tỳ-kheo ấy nghe xong, thưa: “Tâu đại vương! tôi thật sự chưa chứng đắc đạo quả của Sa-môn, đại vương chớ nên khen ngợi là tôi đã chứng đắc đạo quả. Xin đại vương chớ vì tôi mà nói pháp không biết đủ. Người không biết đủ thì cho đến nghe nói đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều yên lặng thọ nhận. Tôi nay nếu yên lặng thọ nhận thì sẽ bị chư Phật quở trách. Hạnh biết đủ thì được chư Phật khen ngợi, cho nên tôi muốn trọn đời vui thích tu theo hạnh biết đủ. Lại nữa, vì biết đủ nên tôi tự biết mình chắc chắn là chưa chứng đạo quả. Đại vương khen ngợi tôi chứng đắc, tôi nay không thể thọ nhận, cho nên gọi là biết đủ”. Khi ấy, vị quốc vương đáp: “Đại sư thật sự đã chứng quả A-la-hán giống như Đức Phật không khác”. Khi ấy, quốc vương liền tuyên bố khắp cả, từ hoàng hậu, cung phi cho đến dân chúng trong và ngoài nước, làm cho họ đều biết vị ấy đã chứng quả Sa-môn, khiến cho tất cả đều nghe và khởi tâm cung kính, cúng dường, tôn trọng. Vị Tỳ-kheo như thế, thật sự là người tu phạm hạnh thanh tịnh,

do nhân duyên ấy khiến mọi người đều được phước đức lớn, vị Tỳ-kheo này thật sự không phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì có người trước đã tự khởi tâm hoan hỷ, khen ngợi, cúng dường, nhờ vậy nên vị Tỳ-kheo này đâu có tội gì. Nếu kinh nào nói vị Tỳ-kheo ấy phạm tội, thì nên biết kinh này là ma nói.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nói kinh điển sâu xa là tạng pháp bí mật của Đức Phật, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, dùng Phật tánh để đoạn trừ vô lượng ức các phiền não trói buộc, tức là thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỉ trừ Nhất-xiển-đề. Hoặc có quốc vương, đại thần nào hỏi Tỳ-kheo như vậy: “Thầy sẽ thành Phật hay chẳng thành Phật? Thầy có Phật tánh không?”. Tỳ-kheo đáp: “Nay trong thân tôi chắc chắn là có Phật tánh, còn thành Phật hay không thì chưa thể biết được”. Quốc vương nói: “Thưa Đại đức! Thầy không phải là hạng Nhất-xiển-đề nên chắc chắn thành Phật không có nghi ngờ”. Vị Tỳ-kheo nói: “Vâng! Đúng như lời đại vương nói”. Vị này tuy nói là chắc chắn có Phật tánh nhưng cũng không phạm tội Ba-la-di. Lại có Tỳ-kheo, ngay khi xuất gia liền suy nghĩ: “Nay ta chắc chắn đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Vị Tỳ-kheo này tuy chưa chứng đắc đạo quả vô thượng nhưng đã được vô lượng vô biên phước đức không thể tính kể. Giả sử có người cho rằng vị ấy phạm tội Ba-la-di thì tất cả các Tỳ-kheo đều phạm giới. Vì sao? Vì xưa kia trong tám mươi ức kiếp, Ta thường xa lìa tất cả các vật bất tịnh, ít muốn, biết đủ, thành tựu các oai nghi, khéo léo tu tập pháp tạng vô thượng của Như Lai, cũng tự biết là chắc chắn có Phật tánh, do đó nay Ta được thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được gọi là Phật, có lòng từ bi lớn. Kinh luật như vậy là lời Phật nói. Người nào không nghe theo thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn người nào nghe theo thì đó là Đại Bồ-tát.

Lại có người nói: “Không có bốn tội Ba-la-di, mười ba tội Tăng tàn, hai pháp Bất tịnh, ba mươi Xả đạo, chín mươi một tội Đọa, bốn pháp Sát hối, các pháp Chúng học, bảy Diệt tránh, không có tội Thâu-lan-giá, ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề. Nếu có Tỳ-kheo nào phạm các tội như trên mà bị đọa vào địa ngục thì những người ngoại đạo đáng lẽ đều được sinh lên cõi trời. Vì sao? Vì những người ngoại

đạo không thọ giới nên không thể phạm. Đó là Như Lai thị hiện để làm cho mọi người sợ hãi nên nói những giới như vậy. Hoặc cho rằng Phật nói, các Tỳ-kheo của Ta nếu muốn hành dâm thì phải cởi bỏ pháp phục, mặc y phục của thế tục, sau đó mới hành dâm. Lại nói do nhân duyên mà khởi niệm dâm dục chứ chẳng phải là lỗi của ta. Khi Đức Như Lai còn ở đời cũng có Tỳ-kheo làm việc dâm dục mà được giải thoát chân chánh, hoặc sau khi chết được sinh lên cõi trời. Những việc ấy đã có từ xưa đến nay, chẳng phải riêng một mình ta làm. Hoặc phạm bốn tội nặng, hoặc phạm năm giới, hoặc làm tất cả luật nghi bất tịnh, vẫn được giải thoát chân chánh. Như Lai tuy nói người phạm tội Đột-kiết-la sẽ đọa vào địa ngục trong tám trăm vạn năm theo ngày tháng của cõi trời Đao-lợi, đó cũng là việc Như Lai thị hiện để làm cho mọi người sợ hãi, và cho rằng, tội Ba-la-di cho đến tội Đột-kiết-la, tội nặng, tội nhẹ không có sai khác. Đây là lời nói dối gạt của các luật sư mà cho rằng Phật chế, nhưng thật sự nên biết chẳng phải Phật nói”. Nếu nói như vậy là kinh luật của ma. Hoặc lại cho rằng: “Trong các giới, nếu phạm một giới nhỏ cho đến lỗi nhỏ nhất đều sẽ chịu quả báo khổ, không có giới hạn. Biết như vậy rồi, nên phòng hộ tự thân như con rùa giấu kín sáu chi”. Hoặc có luật sư nói: “Phàm có phạm giới đều không có tội báo”. Những hạng người như vậy thì không nên gần gũi, như Phật đã dạy:

*Nói sai một pháp
Gọi là vọng ngữ
Chẳng thấy đời sau
Tạo mọi tội ác.*

Vì vậy, không nên gần gũi người ấy, trong pháp Phật của Ta thanh tịnh như vậy, huống gì lại có người phạm tội Thâu-lan-giá hoặc phạm Tăng tàn và Ba-la-di mà chẳng phải là tội hay sao. Do đó, cần phải cẩn thận tự phòng hộ các pháp như vậy. Nếu không giữ gìn thì lấy pháp gì gọi là giới cấm? Trong các kinh của Ta cũng nói: “Nếu có ai phạm bốn tội Ba-la-di cho đến tội nhỏ nhất như Đột-kiết-la phải nên nghiêm trị họ. Nếu không giữ gìn giới cấm thì làm sao thấy được Phật tánh? Tất cả chúng sinh tuy có Phật tánh nhưng cốt

ýếu phải nhờ trì giới, sau đó mới được thấy Phật tánh. Nhờ thấy Phật tánh mà được thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong chín bộ loại kinh điển không có kinh Phương Đẳng, cho nên không nói có Phật tánh. Kinh tuy không nói nhưng phải biết là thật có Phật tánh”. Người nào nói như vậy thì nên biết người ấy thật sự là đệ tử của Ta.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như trên đã nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Trong chín bộ loại kinh điển con chưa từng được nghe, nếu như nói là có thì sao lại không phạm tội Ba-la-di?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, thật chẳng phạm tội Ba-la-di. Này thiện nam! Ví như có người cho rằng, trong biển cả chỉ có bảy báu mà không có tám loại báu, thì người ấy không có lỗi. Người nào cho rằng trong chín loại bộ kinh điển không có Phật tánh thì cũng chẳng có tội. Vì sao? Vì ở trong biển đại trí Đại thừa Ta mới nói có Phật tánh. Hàng Nhị thừa chẳng thấy biết cho nên nói là không, thì không mắc tội. Cảnh giới như vậy là sự thấy biết của chư Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được. Này thiện nam! Nếu người không được nghe tạng pháp bí mật thâm diệu của Như Lai thì làm thế nào mà biết là có Phật tánh. Những gì gọi là tạng pháp bí mật? Đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Này thiện nam! Có các ngoại đạo, hoặc nói ngã là thường còn, hoặc nói ngã là đoạn diệt. Như Lai không như vậy, cũng nói ngã và cũng nói vô ngã. Đó gọi là Trung đạo. Người nào cho rằng Như Lai nói Trung đạo, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, do bị phiền não ngăn che cho nên không thấy không biết. Vì thế, nên phải siêng năng tu tập các phương tiện để đoạn trừ phiền não. Nếu ai có thể nói như vậy, thì nên biết người ấy không phạm bốn tội nặng. Nếu ai không thể nói như vậy, thì gọi là phạm tội Ba-la-di. Nếu có người cho rằng: “Tôi đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tôi có Phật tánh, vì có Phật tánh nên chắc chắn tôi sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì nhân duyên này, nay tôi đã

chứng đắc quả Bồ-đề”, thì nên biết người này gọi là người phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì tuy có Phật tánh nhưng chưa tu tập các phương tiện khéo léo cho nên chưa thấy. Vì chưa thấy Phật tánh cho nên không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Vì ý nghĩa này nên pháp Phật rất sâu xa chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có quốc vương hỏi: “Thế nào là Tỳ-kheo mắc tội đại vọng ngữ?”.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Hoặc có Tỳ-kheo vì cầu lợi dưỡng, vì việc ăn uống mà dua nịnh, gian trá, giả dối, làm thế nào để người đời tưởng mình thật sự là khát sĩ, do nhân duyên đó khiến cho mình được danh to, lợi lớn. Tỳ-kheo này vì nhiều ngu si, luôn luôn suy nghĩ, tuy mình thật sự chưa đạt bốn quả Sa-môn, nhưng phải làm sao để khiến cho người đời nghĩ là mình đã đạt được, lại phải làm thế nào khiến các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều cùng chỉ vì mình mà nói: “Vị này có phước đức, đúng là bậc Thánh nhân”. Suy nghĩ như vậy, Tỳ-kheo ấy chỉ cầu lợi dưỡng, chẳng cầu chánh pháp; đi đứng, ra vào, tới lui đều khoan thai; đắp y mang bát không mất oai nghi, ngồi một mình ở nơi yên lặng, giống như A-la-hán, làm cho người đời đều bảo: “Tỳ-kheo này là vị hoàn hảo bậc nhất, vị ấy tinh tấn khổ hạnh tu pháp tịch diệt”. “Nhờ nhân duyên này mình sẽ có nhiều môn đồ đệ tử, mọi người cũng sẽ đến cúng dường y phục, thực phẩm, đồ nằm, thuốc thang, khiến nhiều phụ nữ cung kính mến yêu”. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào làm việc như vậy thì mắc tội đại vọng ngữ. Lại có Tỳ-kheo vì muốn kiến lập chánh pháp vô thượng nên ở nơi yên vắng, chẳng phải là A-la-hán mà lại muốn khiến người khác gọi mình là A-la-hán, là Tỳ-kheo tốt, là Tỳ-kheo thiện, Tỳ-kheo tịch tĩnh, khiến cho vô số người phát sinh lòng tin. Do nhân duyên này sẽ được vô số các Tỳ-kheo theo làm quyến thuộc. Nhân đó, khuyên dạy các Tỳ-kheo và những Ưu-bà-tắc phá giới khiến cho họ đều giữ giới. Nhờ nhân duyên này mà kiến lập chánh pháp, làm rạng rỡ đại sự vô thượng của Như Lai, mở bày pháp Đại thừa Phương đẳng để giáo hóa, độ thoát cho tất cả

vô lượng chúng sinh, làm cho họ hiểu rõ hoàn toàn nghĩa lý khinh trọng của kinh luật mà Đức Như Lai đã nói. Tỳ-kheo này lại nói: “Nay ta cũng có Phật tánh. Có kinh điển gọi là tạng bí mật của Như Lai. Theo kinh này, nhất định ta sẽ thành Phật đạo, có thể dứt trừ vô lượng ức phiền não trói buộc, nói với vô số các Ưu-bà-tắc: Các ông đều có Phật tánh. Ta với các ông đều sẽ được an trú trong đạo của Như Lai, thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, diệt trừ hết vô lượng ức các kiết sử phiền não”. Người nào nói như thế thì không gọi là phạm tội đại vọng ngữ mà gọi là Bồ-tát. Hoặc nói: “Có phạm tội Đột-kiết-la thì bị đọa vào địa ngục tám trăm vạn năm tính theo ngày tháng ở cõi trời Đao-lợi, chịu các tội báo, hưởng hồ là cố ý phạm tội Thâu-lan-giá. Trong pháp Đại thừa này, nếu có Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-giá thì không nên gận gũi. Những gì là tội Thâu-lan-giá trong kinh Đại Thừa? Hoặc có Trưởng giả xây dựng chùa Phật, đem các tràng hoa để cúng dường Phật, có Tỳ-kheo thấy sợi tơ trong vòng hoa, không hỏi mà lấy thì phạm tội Thâu-lan-giá, dù biết hay không biết cũng phạm như vậy. Nếu hủy phá tháp Phật với tâm tham thì phạm tội Thâu-lan-giá. Người như vậy không nên gận gũi. Hoặc quốc vương, đại thần thấy tháp đổ nát, vì muốn tu bổ để thờ cúng Xá-lợi, ở trong tháp này hoặc được châu báu, đem gửi cho vị Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nhận lời rồi tự ý sử dụng thì Tỳ-kheo như vậy gọi là hạng bất tịnh, sinh nhiều tranh cãi, các Ưu-bà-tắc tốt không nên gận gũi cúng dường cung kính Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo như vậy gọi là vô căn, gọi là hai căn, gọi là bất định căn. Người bất định căn là khi tham muốn làm thân nữ liền làm nữ, lúc tham muốn làm thân nam liền làm nam. Tỳ-kheo như vậy gọi là ác căn, không gọi là nam, không gọi là nữ, chẳng gọi là xuất gia, chẳng gọi là tại gia. Tỳ-kheo như vậy không nên gận gũi cung kính cúng dường. Trong pháp Phật, về phép tắc của Sa-môn, nên sinh lòng từ bi che chở cho chúng sinh, thậm chí đến con kiến cũng nên bố thí vô úy cho nó, đây là pháp của Sa-môn. Không uống rượu, cho đến gửi mùi rượu, đây là pháp của Sa-môn. Không được vọng ngữ, cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến vọng ngữ, đây là pháp của Sa-môn. Không sinh lòng dục, cho đến trong giấc mộng cũng vậy, đây là pháp của Sa-môn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo trong giấc mộng hành dâm dục có phạm giới không?

Đức Phật dạy:

–Không phạm. Nên đối với dâm dục phải khởi tưởng như uế, cho đến không có một niệm về tưởng thanh tịnh, xa lìa tưởng ái phiền não đối với người nữ. Nếu trong giấc mộng mà hành dâm thì khi thức dậy phải nên hối hận. Khi Tỳ-kheo đi khát thực, thọ nhận sự cúng dường nên tưởng như ăn thịt của con lúc đói khát, nếu khởi ý dâm dục thì phải xa lìa. Pháp môn như vậy, nên biết là Phật đã nói trong kinh, luật. Nếu nghe theo lời ma thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn tùy thuận theo lời Phật dạy, vị ấy là Bồ-tát. Hoặc có thuyết nói: “Phật cho phép Tỳ-kheo luôn đứng co một chân, yên lặng không nói, nhảy xuống vực, nhảy vào lửa, tự mình ở trên núi cao nhảy xuống, không sợ nguy hiểm, uống thuốc độc, nhịn ăn, nằm trên tro, tự trói tay chân, giết hại chúng sinh, dùng phép chú thuật. Con của Chiên-đà-la, không cắn, hai cắn và bất định cắn, giác quan không đầy đủ, những người như vậy, Như Lai đều cho phép xuất gia hành đạo”. Đó là lời ma nói. Trước kia, Phật cho ăn năm vị của sữa bò và dùng dầu, mật, chỉ trừ y Kiêu-xà-da, dếp da. Hoặc có thuyết nói là cho phép mặc Ma-ha-lăng-già, cho chứa tất cả các hạt giống, loài thuộc về cỏ cây đều có thọ mạng, Phật nói lời này rồi, liền nhập Niết-bàn. Nếu có kinh luật nào nói như vậy, thì nên biết đó là lời ma nói. Như Lai không cho phép luôn đứng một chân, vì thực hành theo pháp nên cho phép đi, đứng, ngồi, nằm; lại cũng không cho phép uống thuốc độc, nhịn ăn, năm loại nóng đốt thân, cột trói tay chân, giết hại chúng sinh, dùng phép chú thuật, dùng ngọc kha, ngà voi trang trí, dếp da, cát chứa hạt giống, loài cỏ cây có thọ mạng, mặc Ma-ha-lăng-già, nhưng nếu nói Thế Tôn nói như vậy, thì nên biết người ấy là quyến thuộc của ngoại đạo, chẳng phải là đệ tử của Ta. Như Lai chỉ cho phép ăn năm vị của sữa bò, dầu và mật, cho phép mang dếp da, mặc y Kiêu-xà-da. Như Lai nói bốn đại không có thọ mạng. Có kinh luật nào nói như vậy, chính là lời Phật nói. Nếu ai tùy thuận theo lời Phật dạy, thì nên biết người ấy thật sự là đệ tử của Ta.

Nếu ai không nghe theo lời Phật dạy, người ấy là quyến thuộc của ma. Nếu người nào tùy thuận theo kinh luật của Phật, người ấy là Đại Bồ-tát. Này thiện nam! Tương sai khác giữa lời ma nói và Phật nói, Ta đã phân biệt rõ ràng cho ông.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con mới biết được tương sai khác giữa lời ma nói và lời Phật nói, nhờ đó con mới được hiểu rõ nghĩa thâm sâu của pháp Phật.

Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông đã có thể phân biệt hiểu rõ như vậy, gọi là người thông tuệ. Này thiện nam! Cái mà gọi là khổ đó thì chẳng phải là Thánh đế. Vì sao? Vì nếu nói khổ là Thánh đế khổ, thì tất cả bò, dê, lừa, ngựa và chúng sinh trong địa ngục đáng lẽ đều có Thánh đế. Này thiện nam! Nếu người nào không biết cảnh giới sâu xa và pháp thân bí mật, vi diệu, thường trụ bất biến của Như Lai, cho là thân ăn uống, chẳng phải pháp thân, không biết oai lực, đức độ của Như Lai thì đó gọi là khổ. Vì sao? Do không biết, cho nên thấy pháp là phi pháp, phi pháp thấy là pháp. Nên biết người này chắc chắn bị đọa vào đường ác, luân hồi trong sinh tử, tăng trưởng các kiết sử, chịu nhiều khổ não. Nếu người nào biết được Như Lai là thường trụ, không biến đổi, hoặc nghe âm thanh của hai chữ thường trụ, hoặc chỉ một lần qua tai thì liền được sinh lên cõi trời. Về sau, khi được giải thoát mới biết rõ Như Lai là thường trụ, không có biến đổi. Khi đã biết rõ rồi, liền nói: “Từ xưa, ta đã từng nghe nghĩa này, hôm nay được giải thoát mới có thể biết rõ được. Đối với bản tế, vì không biết nên ta bị sinh tử, trôi lăn không cùng tận, ngày hôm nay mới được biết như thật”. Nếu biết như vậy, mới thật là tu khổ đế, được nhiều lợi ích. Nếu không biết như vậy, tuy siêng năng tu tập nhưng không được lợi ích. Đó là biết về khổ, gọi là Thánh đế khổ. Nếu người nào không tu tập như vậy thì gọi là khổ, chẳng phải là Thánh đế khổ. Khổ tập đế là: Ở trong pháp chân thật mà không phát sinh trí chân thật, thọ nhận vật bất tịnh như nô tỳ v.v..., nói phi pháp là chánh pháp, đoạn diệt chánh pháp khiến cho

không tồn tại lâu dài. Vì nhân duyên này, nên không biết pháp tánh, do không biết nên bị luân hồi trong sinh tử, chịu nhiều khổ não, không được sinh lên cõi trời và giải thoát chân chánh. Nếu có người hiểu rõ thì không hủy hoại chánh pháp, nhờ nhân duyên này, nên được sinh lên cõi trời và giải thoát chân chánh. Nếu người nào không biết về Thánh đế khổ tập mà nói chánh pháp không thường trụ, đều là pháp hoại diệt thì vì nhân duyên này nên trong vô lượng kiếp, người ấy phải bị lưu chuyển trong sinh tử, chịu nhiều khổ não. Nếu biết được pháp là thường trụ, không khác, thì gọi là biết về tập, đó là Thánh đế tập. Nếu ai không thể tu tập như vậy thì gọi là tập, chẳng phải là Thánh đế tập. Khổ diệt đế là: Nếu có người tu học nhiều về pháp không, là bất thiện. Vì sao? Vì diệt tất cả các pháp, hủy hoại tạng pháp chân thật của Như Lai. Tu học như trên là tu về pháp Không. Người tu về Khổ diệt thì ngược lại với tất cả các pháp của ngoại đạo. Nếu nói tu về pháp Không là Diệt đế, thì tất cả ngoại đạo cũng tu pháp không, đáng lẽ cũng có Diệt đế. Hoặc có thuyết nói có Như Lai tạng, tuy không thể thấy nhưng có thể diệt trừ tất cả phiền não, như vậy mới được chứng nhập. Nếu nhờ nhân duyên trong một niệm mà phát tâm như trên thì được tự tại trong các pháp. Nếu có ai tu tập tạng pháp bí mật của Như Lai là vô ngã vắng lặng thì người như vậy, trong vô lượng đời bị luân hồi, chịu khổ trong sinh tử. Nếu ai không tu tập như vậy, thì dù có phiền não nhưng mau chóng được diệt trừ. Vì sao? Vì người ấy biết được tạng pháp bí mật của Như Lai. Đó là Thánh đế khổ diệt. Nếu ai có thể tu tập Thánh đế diệt như vậy, người ấy là đệ tử của Ta. Nếu ai không thể tu tập như vậy, gọi là tu pháp Không, chẳng phải là Thánh đế diệt. Thánh đế đạo là: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo và giải thoát chân chánh. Có chúng sinh nào do tâm điên đảo nói là không có Phật, Pháp, Tăng, giải thoát chân chánh, sự luân hồi sinh tử như huyễn hóa thì do nhân duyên tu tập kiến chấp như vậy nên luân hồi ba cõi, chịu khổ lâu dài. Nếu ai phát tâm có thể thấy được Như Lai là thường trụ bất biến, Pháp, Tăng, giải thoát cũng như vậy, thì nhờ một niệm này mà trong vô lượng đời, người ấy tùy ý được quả báo tự tại. Vì sao? Từ xưa vì bốn thứ điên đảo nên Ta đã chấp phi pháp là pháp, phải chịu

vô lượng quả báo nghiệp ác. Hôm nay, Ta đã diệt hết những kiến chấp như vậy, nên thành Phật chánh giác. Đây gọi là Thánh đế đạo. Hoặc có người nói: Tam bảo là vô thường, tu tập kiến chấp như vậy là tu tập sai lầm, chẳng phải tu theo Thánh đế đạo. Nếu ai tu tập pháp ấy là thường trụ, thì người ấy là đệ tử của Ta, chính là tu tập pháp Tứ Thánh đế. Đó là bốn Thánh đế.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con mới biết tu tập sâu xa về pháp Tứ Thánh đế.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Bốn pháp điên đảo là: Đối với điều chẳng phải khổ mà tưởng là khổ thì gọi là điên đảo. Chẳng phải khổ là chỉ cho Như Lai. Tưởng khổ nghĩa là cho Như Lai là vô thường biến đổi. Nếu nói Như Lai là vô thường, thì đó là tội khổ lớn. Nếu Như Lai xả thân khổ này để nhập Niết-bàn, như củi hết lửa tắt, thì đó chẳng phải là khổ mà tưởng là khổ. Đó là điên đảo. Nếu Ta nói rằng Như Lai là thường tức là kiến chấp về ngã, vì chấp ngã nên mắc vô lượng tội. Vì vậy nên Ta nói Như Lai là vô thường, nói như vậy Ta rất vui. Như Lai vô thường tức là khổ, nếu đã là khổ thì làm gì có vui. Vì ở trong khổ mà sinh tưởng là vui nên gọi là điên đảo. Vui mà sinh tưởng là khổ cũng gọi là điên đảo. Vui tức là Như Lai, khổ tức là Như Lai vô thường. Nếu nói Như Lai là vô thường, thì đó gọi là ở trong vui mà tưởng là khổ. Như Lai là thường trụ, đó gọi là vui. Nếu Ta nói rằng Như Lai là thường, thì sao lại vào Niết-bàn? Nếu Như Lai chẳng phải là khổ, thì sao lại bỏ thân mà diệt độ? Vì ở trong vui mà tưởng là khổ nên gọi là điên đảo. Đó là pháp điên đảo thứ nhất. Vô thường mà tưởng là thường, thường tưởng là vô thường, gọi là điên đảo. Vô thường là chẳng tu pháp không, vì chẳng tu pháp không nên tuổi thọ ngắn ngủi. Nếu có người cho rằng chẳng tu pháp không tịch mà vẫn được trường thọ, thì gọi là điên đảo. Đó là pháp điên đảo thứ hai. Vô ngã tưởng là ngã. Ngã tưởng là vô ngã, thì gọi là điên đảo. Người đời cũng nói có ngã, trong pháp Phật cũng nói có ngã. Người đời tuy nói có ngã nhưng không có Phật tánh, đó gọi là

vô ngã mà tưởng là ngã, đó là điên đảo. Pháp Phật nói có ngã tức là Phật tánh. Người đời lại nói pháp Phật không có ngã, đó gọi là ngã mà tưởng là vô ngã. Nếu nói pháp Phật chắc chắn không có ngã nên Như Lai dạy các đệ tử tu tập pháp vô ngã, thì đó gọi là điên đảo. Đó là pháp điên đảo thứ ba. Tịnh mà tưởng là bất tịnh, bất tịnh mà tưởng là tịnh, thì gọi là điên đảo. Tịnh tức là Như Lai thường trụ, chẳng phải là thân tạp thực, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân máu thịt, chẳng phải thân gân cốt ràng buộc. Nếu có người nói rằng Như Lai là vô thường, là thân tạp thực cho đến là thân gân xương ràng buộc, Pháp, Tăng, giải thoát đều là diệt tận, thì đó gọi là điên đảo. Bất tịnh mà tưởng là tịnh, đó gọi là điên đảo. Nếu có người nói rằng trong thân này của ta không có một pháp nào là bất tịnh, vì không bất tịnh nên nhất định sẽ được vào nơi thanh tịnh, mà Như Lai đã nói tu quán bất tịnh là lời nói hư vọng, thì đó gọi là điên đảo. Đó là pháp điên đảo thứ tư.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay con mới được chánh kiến. Bạch Thế Tôn! Trước đây, chúng con đều là những người tà kiến. Bạch Thế Tôn! Hai mươi lăm hữu có ngã hay không?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ngã tức là nghĩa của Như Lai tạng. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tức là nghĩa của ngã. Nghĩa của ngã như vậy từ xưa đến nay thường bị vô lượng phiền não che lấp. Cho nên, chúng sinh chẳng nhận thấy được. Này thiện nam! Như người phụ nữ nghèo trong nhà có một kho vàng ròng, mọi người lớn nhỏ trong nhà không ai biết được. Một hôm, có người khách lạ khéo biết phương tiện bảo người phụ nữ nghèo: “Hôm nay tôi thuê cô dọn cỏ rác cho tôi”. Người phụ nữ đáp: “Tôi không thể làm. Nếu ông có thể chỉ kho vàng cho con tôi, sau đó tôi mới làm việc cho ông”. Người khách lại nói: “Tôi biết cách có thể chỉ cho con của cô”. Người phụ nữ lại nói: “Mọi người lớn nhỏ trong nhà của tôi còn chẳng biết được, huống hồ là ông, làm sao ông biết được!”. Người khách lại nói: “Hôm nay tôi chắc chắn có thể biết”. Người phụ nữ đáp: “Tôi

rất muốn thấy, ông hãy chỉ cho tôi”. Người khách liền đào được kho vàng rỗng trong nhà người phụ nữ. Người phụ nữ thấy vậy rất vui mừng, ngạc nhiên lạ lùng, rất kính trọng người khách. Đây thiện nam! Hôm nay Ta chỉ bày Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sinh đang bị phiền não che lấp, như người phụ nữ nghèo có kho vàng rỗng mà không thấy Phật. Hôm nay Như Lai chỉ bày kho báu giác tánh cho tất cả chúng sinh, đây chính là Phật tánh, các chúng sinh thấy được tánh này rồi vô cùng vui mừng, đều quy ngưỡng Như Lai. Người khách khéo biết phương tiện dụ cho Như Lai, người phụ nữ nghèo chỉ cho vô lượng chúng sinh, kho vàng rỗng dụ cho Phật tánh. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như người phụ nữ sinh một đứa con, đứa bé này bị bệnh. Người phụ nữ ấy lo rầu đi tìm thầy thuốc. Thầy thuốc đến, dùng ba thứ thuốc: Váng sữa, sữa và đường hòa lại cho đứa bé uống, rồi bảo người phụ nữ: “Đứa bé mới uống thuốc xong, không được cho nó bú, phải đợi thuốc tiêu hóa rồi mới được cho bú”. Lúc ấy, người phụ nữ liền lấy đồ đắp thoa trên vú, rồi bảo con: “Vú của mẹ đã thoa thuốc độc con không được đụng vào”. Đứa bé khát sữa đòi bú nhưng nghe mùi hôi trên vú nên không dám đến gần. Đến khi thuốc đã tiêu hóa, người mẹ lấy nước rửa sạch vú mình rồi gọi con: “Hãy đến đây mẹ cho bú”. Lúc ấy, mặc dù đã đói khát nhưng vì trước đây đã nghe mùi hôi nên đứa trẻ không dám đến bú. Người mẹ lại bảo: “Vì con uống thuốc nên mẹ dùng thuốc đắp để thoa trên vú, thuốc con uống đã tiêu hóa, vú của mẹ đã rửa sạch, con hãy đến bú, không còn đáng đâu”. Đứa bé nghe mẹ bảo từ từ đến bú. Đây thiện nam! Như Lai cũng vậy, vì để độ thoát tất cả nên dạy các chúng sinh tu pháp vô ngã, nhờ tu pháp này mà dứt hẳn tâm chấp ngã, được vào Niết-bàn. Vì trừ những vọng kiến của thế gian mà thị hiện các pháp xuất thế gian. Lại chỉ rõ cho thế gian thấy chấp ngã là hư vọng, chẳng phải chân thật, tu pháp vô ngã để được thân thanh tịnh. Ví như người phụ nữ kia vì con mình mà dùng chất đắp thoa trên vú, Như Lai cũng vậy, vì dạy tu pháp không nên nói các pháp đều không có ngã. Như người phụ nữ rửa sạch vú mình rồi kêu con đến bú, cũng vậy, hôm nay Ta nói về Như Lai tạng, vì thế các Tỳ-kheo không nên lo sợ. Như đứa trẻ kia nghe mẹ kêu từ từ đến bú,

cũng vậy, các Tỳ-kheo nên tự phân biệt tạng pháp bí mật của Như Lai, chẳng được cho là chẳng có.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật sự là không có ngã. Vì sao? Vì đứa bé lúc mới sinh không hiểu biết. Nếu có ngã, thì lúc mới sinh lẽ ra liền có hiểu biết. Vì nghĩa này nên chắc chắn biết được là không có ngã. Nếu nhất định có ngã thì sau khi thọ sinh rồi, lẽ ra không chết mất. Nếu tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, là thường trụ, thì đáng lẽ là không có tướng hư hoại. Nếu là tướng không hư hoại, thì sao lại có Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Chiên-đà-la, súc sinh v.v... khác nhau? Hôm nay thấy các loại nghiệp duyên chẳng đồng, các loài đều khác nhau, nếu nhất định có ngã thì tất cả chúng sinh lẽ ra không có hơn kém. Do những nghĩa trên nên chắc chắn biết được Phật tánh chẳng phải là pháp thường trụ. Nếu nói rằng Phật tánh nhất định là thường trụ, thì do nhân duyên gì lại nói có sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối hai chiều, nói lời hung ác, nói dối, nói lời thêu dệt, tham lam, giận dữ, kiến chấp sai lầm? Nếu tánh ngã là thường trụ thì vì sao sau khi uống rượu lại say mê cuồng loạn? Nếu tánh ngã là thường trụ thì người mù đáng lẽ thấy được sắc, người điếc nghe được âm thanh, người câm có thể nói được, người què có thể đi. Nếu tánh ngã là thường trụ thì không nên tránh hầm lửa, nước lớn, thuốc độc, dao kiếm, kẻ ác, cầm thú. Nếu ngã là thường trụ thì những việc đã làm đáng lẽ không quên mất. Nếu không quên thì sao lại nói: “Tôi đã từng thấy người đó ở chỗ nào rồi”. Nếu ngã trung ấm thì không nên có thiếu niên, thanh niên, lão thành, yếu, mạnh, thế lực, nhớ nghĩ những việc đã qua. Nếu ngã thường trụ thì dừng nghĩ ở chỗ nào? Đó là ở trong nước mũi, nước miếng, hay ở trong các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu ngã thường trụ thì phải ở khắp trong thân như trong dầu mè, không có chỗ hở. Nếu khi chặt đứt thân thì ngã đáng lẽ cũng bị chặt đứt.

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ví như nhà vua có vị đại lực sĩ, giữa chặng mày của vị này có ngọc kim cương. Vị này đánh nhau với một lực sĩ

khác, do đầu của vị lực sĩ đó đụng vào trán của vị này nên hạt ngọc bị lún vào trong da, mà ông hoàn toàn không hay biết là hạt ngọc đang còn, chỗ đó có vết thương, liền nhờ thầy thuốc điều trị. Lúc ấy, có vị thầy thuốc giỏi, biết rõ các phương thuốc, biết vết thương của lực sĩ là do hạt ngọc lún vào thân thể, hạt ngọc ấy xuyên qua lớp da, nằm trong đó. Khi ấy, vị thầy thuốc hỏi lực sĩ: “Hạt ngọc trên trán của ông đâu rồi?”. Lực sĩ kinh hãi đáp: “Hạt ngọc trên trán của tôi mất rồi chẳng? Nay hạt ngọc ấy ở đâu?”. Vị ấy nhân việc không thật có mà lo buồn khốc lóc. Khi ấy, vị thầy thuốc an ủi lực sĩ: “Nay ông không nên buồn khổ quá sức, vì lúc đánh nhau, hạt ngọc của ông lún vào thân, nay ở trong da, hình ảnh hiện ra bên ngoài. Lúc ông đánh nhau, do giận dữ quá mức nên hạt ngọc lún vào thân mà ông không hay biết”. Lúc này, lực sĩ không tin lời của thầy thuốc, nói: “Nếu còn ở trong da, thì sao máu mủ bất tịnh lại không chảy ra, còn nếu hạt ngọc ở trong gân kẽ ra không thể thấy. Hôm nay, tại sao ông lại dối gạt tôi?”. Khi ấy, vị thầy thuốc cầm gương soi trên mặt lực sĩ, hạt ngọc hiện bày rõ ràng ở trong gương. Lực sĩ nhìn thấy, rất ngạc nhiên, cho là điều kỳ lạ. Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng như vậy. Vì không được gần gũi thiện tri thức, nên dù Phật tánh cũng không thể thấy. Vì bị tham dục, sân hận, ngu si che lấp nên bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la, Chiên-đà-la, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà sinh vào trong các dòng dõi như vậy, do tâm mà khởi lên các nghiệp duyên, nên tuy thọ thân người lại bị đui, điếc, câm ngọng, què quặt, khập khiễng, chịu các quả báo trong hai mươi lăm cõi. Vì tham dục, sân hận, ngu si che lấp tâm ý, nên không biết Phật tánh, như lực sĩ kia, hạt châu vẫn ở trong thân mà nói là đã mất. Chúng sinh cũng vậy, do không biết gần gũi thiện tri thức, nên không biết kho báu bí mật vi diệu của Như Lai. Tu học vô ngã, ví như chẳng phải là bậc Thánh, nên tuy nói có ngã nhưng cũng không biết tánh chân thật của ngã. Các đệ tử của Ta cũng vậy, do không biết gần gũi thiện tri thức nên tu học vô ngã, mà cũng không biết chỗ của vô ngã. Tánh chân thật vô ngã của mình còn chẳng tự biết, huống chi là có thể biết được tánh chân thật của hữu ngã. Đây thiện nam! Như Lai nói, các chúng sinh đều có Phật tánh như vậy, giống

như thầy thuốc chỉ ngọc báu kim cương cho vị lực sĩ kia. Các chúng sinh này vì bị vô lượng ức phiến não che lấp nên không biết Phật tánh. Nếu đoạn trừ phiến não, thì lúc đó mới chứng biết tướng tận. Như lực sĩ kia thấy hạt ngọc của mình ở trong gương sáng. Đây thiện nam! Tạng pháp bí mật của Như Lai vô lượng, không thể nghĩ bàn như thế.

Lại nữa, đây thiện nam! Ví như núi Tuyết có một vị thuốc tên là Lạc vị. Thuốc ấy rất ngọt, ở dưới bụi cây rất rậm rạp, người không thể thấy. Có người nghe mùi liền biết chỗ đó chắc chắn có thuốc ấy. Thuở xưa, vào đời quá khứ, có vua Chuyển luân ở núi Tuyết, chỗ nào cũng đặt bông cây để tiếp lấy thuốc. Khi chín, thuốc này từ đất chảy ra dồn vào trong bông cây, mùi vị của thuốc rất thơm ngon. Sau khi vua băng hà, thì thuốc đó hoặc chua, hoặc mặn, hoặc ngọt, hoặc đắng, hoặc cay, hoặc lạt v.v... mỗi vị như vậy tùy theo chỗ thuốc chảy ra mà có đủ loại khác nhau. Vị thật của thuốc đọng ở trong núi giống như mặt trăng tròn. Người phạm phước mỏng, dầu có dùng cốc để đào xới, ra sức khó nhọc cũng không thể được. Lại có Thánh vương xuất hiện ở đời, nhờ nhân duyên phước đức của vua liền được vị thật của thuốc. Đây thiện nam! Pháp vị của tạng bí mật của Như Lai cũng vậy, bị các rừng rậm phiến não che lấp, chúng sinh vô minh không thể thấy được. Vị thuốc ấy dụ cho Phật tánh, vì các phiến não nên sinh ra các loại mùi vị như: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, trời, người, nam nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà v.v... Phật tánh hùng mạnh, khó có thể hoại diệt, vì thế, không ai có thể sát hại được. Nếu người nào sát hại Phật tánh thì đoạn mất Phật tánh, nhưng Phật tánh không bao giờ đoạn dứt được, nếu tánh mà có thể đoạn dứt, điều đó không thể có. Như tánh ngã tức là tạng pháp bí mật của Như Lai. Tạng pháp bí mật như vậy, không gì có thể hủy hoại, đốt cháy được. Tuy không thể hủy hoại, nhưng cũng không thể thấy. Nếu có chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì bấy giờ mới có thể chứng biết. Vì nhân duyên này nên không ai có thể sát hại được.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không ai sát hại được thì lẽ ra không có

nghiệp bất thiện.

Phật bảo Ca-diếp:

–Thật sự có sát sinh. Vì sao? Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh ở trong thân năm ấm, nếu làm hại năm ấm gọi là sát sinh, nếu có sát sinh tức bị đọa vào đường ác. Do nhân duyên của nghiệp mà có Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà và Chiên-đà-la, hoặc nam, hoặc nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, tướng hai mươi lăm cõi sai khác, lưu chuyển nơi sinh tử. Người chẳng phải bậc Thánh nên vọng chấp các tướng nhỏ, lớn của ngã là bằng hạt cỏ, hoặc bằng hạt gạo, hoặc bằng hạt đậu cho đến bằng ngón tay cái, vọng sinh các loại tướng như vậy. Tướng của vọng tưởng là không chân thật. Tướng của ngã xuất thế gian gọi là Phật tánh. Nhận lấy ngã này gọi là điều lành bậc nhất.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người biết rõ về kho báu dưới đất, liền lấy cuốc bén đào đất, đào thẳng xuống xuyên qua lớp đá bàn, cát, sỏi thì không khó, chỉ đến lớp kim cương không thể đào xuyên được. Phàm là kim cương thì tất cả dao búa đều không thể làm hư, bể. Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, tất cả các nhà biện luận, Thiên ma Ba-tuần và các hàng trời, người cũng không thể hủy hoại. Tướng của năm ấm tức là tạo tác, tướng của tạo tác ví như đá cát có thể đào xuyên qua được. Phật tánh ví như kim cương không thể phá hủy được. Do nghĩa này nên làm hại thân năm ấm, gọi là sát sinh. Này thiện nam! Nên biết chắc chắn rằng pháp Phật không thể nghĩ bàn như vậy.

